

VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2011-2020

VÕ KHÁNH VINH *

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã khẳng định: “Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt” và “Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng xây dựng đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam”. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 đã định hướng: “Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược”. Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 đã quán triệt và cụ thể hóa các chủ trương, định hướng đổi mới giáo dục và đào tạo được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 của đất nước. Chiến lược phát triển Viện KHXH Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 khẳng định: “Kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu và đào tạo, đưa kết quả nghiên cứu vào hoạt động đào tạo sau đại học và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả nước”. Chiến lược phát triển Học viện Khoa học xã hội giai đoạn 2011 - 2020 cụ thể hóa các chủ trương, định hướng, nội dung đổi mới giáo

dục và đào tạo nói trên với việc cân nhắc các đặc thù về mọi mặt của Học viện Khoa học xã hội.

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI GIAI ĐOẠN TRƯỚC NĂM 2012

1. Những thành tựu chủ yếu

Quá trình phát triển của Học viện trong thời gian qua đã đạt được những thành tựu chủ yếu sau đây:

1.1. Quy mô đào tạo phát triển, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo sau đại học của đất nước

Trong mấy năm gần đây, số lượng học viên cao học và nghiên cứu sinh học tập tại Học viện tăng lên một cách đáng kể. Điều đó được thể hiện cụ thể như sau: năm 2010, Học viện tiếp nhận tổng số nghiên cứu sinh và học viên cao học từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, từ 17 cơ sở đào tạo trực thuộc Viện KHXH Việt Nam chuyển về là 795 người, trong đó có 496 nghiên cứu sinh và 299 học viên cao học; tổng số nghiên cứu sinh và học viên cao học được tuyển trong năm 2010 là 466 người, trong đó nghiên cứu sinh là 264, học viên cao học là 202 người; tổng số nghiên cứu sinh và học viên cao học được tuyển trong năm 2011 là 730 người, trong đó nghiên cứu sinh là 280, học viên cao học là 450; tổng

* GS.TS. Phó Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam, kiêm Giám đốc Học viện Khoa học xã hội

số nghiên cứu sinh và học viên cao học được tuyển trong năm 2012 là 1057, trong đó nghiên cứu sinh là 276 và học viên cao học là 781. Đến nay, Học viện đang quản lý, đào tạo 2484 học viên thạc sỹ và tiến sỹ, trong đó có 1425 học viên cao học, có 1059 nghiên cứu sinh. Công tác quản lý học viên từng bước được hoàn thiện theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đã được mở thêm và tiến hành đào tạo 16 mã ngành, chuyên ngành thạc sỹ. Đó là: Quyền con người; Phát triển bền vững; Quản lý giáo dục; Ngôn ngữ học; Chính sách công; Công tác xã hội; Quản trị doanh nghiệp; Tâm lý học; Kinh tế học; Văn học (gồm 4 chuyên ngành); Châu Âu học; Châu Á học; Việt Nam học. Trong 16 mã ngành, chuyên ngành được phép đào tạo đó, có 7 ngành, chuyên ngành được đào tạo thí điểm để sau 3 khóa đào tạo tổng kết và đưa vào các mã ngành đào tạo ở bậc thạc sỹ cho toàn quốc.

1.2. Chất lượng đào tạo ở trình độ thạc sỹ và tiến sỹ được nâng lên một bước

Trình độ hiểu biết, năng lực tiếp cận tri thức mới mang tính chuyên ngành, đa ngành, liên ngành của nghiên cứu sinh và học viên cao học được nâng lên một bước đáng kể. Năng lực nghiên cứu, tư vấn chính sách và giải quyết những vấn đề thực tiễn của số đông nghiên cứu sinh và học viên cao học đã tốt nghiệp được tăng cường. Hoạt động đào tạo sau đại học của Học viện đã chuyển theo hướng đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học xã hội cho các vùng miền, đặc biệt các vùng miền còn thiếu nguồn nhân lực đó; đã mở thêm nhiều ngành, chuyên ngành đào tạo mới, góp phần đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

1.3. Hoàn thiện một cách cơ bản các chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ, tiến sỹ và xây dựng các chương trình đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, các chương trình bổ sung kiến thức về khoa học xã hội

Học viện đã xác định thống nhất số lượng các tín chỉ đào tạo cho các ngành, chuyên ngành thạc sỹ được đào tạo tại Học viện (45 tín chỉ); xây dựng các chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ và tiến sỹ theo hướng chuyển từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ.

Các chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ và tiến sỹ, đề cương chi tiết của các môn học tương ứng đã hoàn thành. Đến nay, Học viện đã hoàn thiện tất cả các chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ cho 30 ngành, chuyên ngành và các chương trình đào tạo trình độ tiến sỹ cho 44 ngành, chuyên ngành, các chương trình bổ sung kiến thức từ thạc sỹ lên tiến sỹ.

Đã xây dựng một số chương trình đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn về những lĩnh vực khoa học xã hội mà xã hội quan tâm như: Phát triển bền vững, Chính sách công, Công tác xã hội, Quyền con người; xây dựng các chương trình bổ sung kiến thức theo hướng liên thông từ bậc đại học đến bậc thạc sỹ.

Đã xây dựng kế hoạch tổng thể biên soạn giáo trình cho hai trình độ đào tạo thạc sỹ và tiến sỹ; đã tổ chức biên soạn và xuất bản một số giáo trình phục vụ hoạt động đào tạo tại Học viện.

1.4. Công tác quản lý đào tạo được hoàn thiện, có bước chuyển biến tích cực theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa

Công tác tuyển sinh được triển khai đúng quy định, theo kế hoạch tổng thể hàng năm và kế hoạch cụ thể cho từng đợt ở cả ba địa điểm, mang tính chủ động cao. Tổng số ứng viên dự thi tuyển thạc sỹ và

dự xét tuyển nghiên cứu sinh ngày càng tăng thuộc các ngành, chuyên ngành đào tạo khác nhau đến từ tất cả các vùng miền trong cả nước.

Công tác quản lý giảng dạy và quản lý các khóa học và lớp học được cải tiến một bước đáng kể, được quy trình hóa, thực hiện theo đúng chương trình và kế hoạch đề ra, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy chế.

Từng bước phân cấp quản lý nội bộ trong Học viện giữa các Khoa, Bộ môn và các phòng chức năng thuộc Học viện theo hướng bảo đảm tính liên tục, kế tiếp các giai đoạn, các khâu trong quá trình đào tạo; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và hoạt động của Học viện; từng bước mở rộng môi trường đào tạo thân thiện, khuyến khích tính tích cực, chủ động của học viên.

1.5. Đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo và giảng viên từng bước được tăng cường về số lượng, nâng dân về chất lượng, từng bước được chuyên nghiệp hóa, khắc phục các bất hợp lý về cơ cấu

Số lượng cán bộ quản lý đào tạo và giảng viên của Học viện được tăng dần về số lượng. Cụ thể là ở các đơn vị chức năng cán bộ quản lý được tăng cường một cách đáng kể, ở các Khoa và Bộ môn đều có cán bộ quản lý; ở hầu hết các Khoa và Bộ môn của Học viện đều có giảng viên cơ hữu có khả năng thực hiện tốt các chương trình đào tạo.

Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm nhiệm đã được nâng lên một cách đáng kể theo hướng chuyên nghiệp hóa.

Cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giảng viên của Học viện từng bước được hình thành một cách hợp lý hơn,

gồm: cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý ở các đơn vị chức năng, ở các Khoa và Bộ môn và ở các cơ sở của Học viện, cơ cấu giữa đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm nhiệm, cơ cấu giữa đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giảng viên.

1.6. Cơ sở vật chất của Học viện được cải thiện, tỷ lệ phòng học tăng, trang thiết bị làm việc và dạy học từng bước được tăng cường

Cơ sở vật chất của Học viện ở Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh được cải thiện một cách đáng kể. Số lượng phòng học ở ba địa điểm tăng đáp ứng nhu cầu dạy và học hiện nay của Học viện.

Trang thiết bị làm việc của cán bộ được cải thiện một cách đáng kể; thiết bị dạy học được tăng cường theo hướng hiện đại.

Nguyên nhân của những thành tựu:

- Sự lãnh đạo của Đảng ủy; sự chỉ đạo, quản lý thống nhất, nhất quán của Lãnh đạo Viện KHXH Việt Nam, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, sự quan tâm, hỗ trợ, tham gia đóng góp của các cơ quan chức năng giúp việc Chủ tịch Viện, của các đoàn thể, của cán bộ, công chức, viên chức Học viện đối với việc thực hiện chức năng đào tạo sau đại học của Viện KHXH Việt Nam đã quyết định sự thành công của Học viện.

- Sự ra đời của Học viện Khoa học Xã hội - mô hình mới trong đào tạo sau đại học của Viện KHXH Việt Nam nói riêng, của đào tạo sau đại học ở nước ta nói chung khẳng định tầm nhìn xa và tính đúng đắn của việc chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng và hiệu quả của đào tạo sau đại học tại Viện KHXH Việt Nam.

- Sự ổn định, sự chuyển tiếp liên tục, kế

thừa mang tính ổn định trong đào tạo sau đại học tại Viện KHXH Việt Nam, việc xây dựng và ban hành đầy đủ các cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Học viện đã tạo môi trường thuận lợi cho phát triển Học viện.

- Lòng yêu nghề, ý thức trách nhiệm, nỗ lực của đội ngũ giảng viên và quyết tâm đổi mới cơ bản, toàn diện của cán bộ, công chức, viên chức Học viện đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện tốt nhiệm vụ của Học viện.

- Nhu cầu lớn trong đào tạo sau đại học về khoa học xã hội; sự tham gia tích cực của các ứng viên học viên cao học và nghiên cứu sinh trong cả nước vào quá trình đào tạo tại Học viện đã tạo ra một lực hút mạnh cho Học viện trong phát triển quy mô đào tạo của Học viện.

2. Những bất cập và hạn chế

Bên cạnh những thành tựu chủ yếu nêu trên, tổ chức và hoạt động của Học viện Khoa học xã hội còn có những bất cập và hạn chế sau đây:

2.1. Hệ thống các chương trình đào tạo chưa được liên thông giữa cấp đào tạo bồi dưỡng và đào tạo trình độ thạc sỹ, giữa trình độ thạc sỹ và trình độ tiến sỹ của một số ngành, chuyên ngành; cơ cấu các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sỹ và tiến sỹ chưa đảm bảo cân đối; chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển nhanh nhân lực chất lượng cao của xã hội.

2.2. Chất lượng đào tạo chưa cao so với yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới và so với trình độ của các nước có nền giáo dục tiên tiến trong khu vực, trên thế giới; chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển số lượng với yêu cầu nâng cao chất lượng.

2.3. Quản lý đào tạo vẫn còn bất cập, tính chuyên nghiệp và tính hiện đại trong

đào tạo vẫn chưa cao; sự phối hợp giữa các khâu trong đào tạo, giữa các bộ phận trong Học viện chưa thật thông suốt và chặt chẽ; sự phối hợp giữa Học viện với các Viện nghiên cứu trực thuộc Viện KHXH Việt Nam còn một số hạn chế.

2.4. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chiếm tỷ lệ thấp so với đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm; tính chuyên nghiệp, năng lực sư phạm của một bộ phận giảng viên còn thấp.

2.5. Cơ sở vật chất kỹ thuật của Học viện còn hạn chế; quỹ đất dành cho Học viện chưa đạt chuẩn quy định.

Nguyên nhân của những hạn chế và bất cập

- Quan điểm “Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu”, “đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển” chưa thực sự được thấm nhuần và thể hiện trên thực tế; trước khi Học viện Khoa học xã hội được thành lập, Viện KHXH Việt Nam chưa có điều kiện để quan tâm đầy đủ, đúng mức đến đào tạo sau đại học.

- Tư duy về đào tạo sau đại học chậm được đổi mới; chưa nhận thức đầy đủ và thiếu Chiến lược, quy hoạch phát triển nhân lực của cả nước, của các bộ, ngành, địa phương, trong đó có của Viện KHXH Việt Nam; chưa có Chiến lược, quy hoạch phát triển đào tạo sau đại học tại Viện KHXH Việt Nam.

- Trong một thời gian dài hoạt động đào tạo sau đại học ở Viện KHXH Việt Nam được thực hiện một cách đơn lẻ, thiếu tập trung; nguồn lực cho phát triển đào tạo sau đại học không được bảo đảm, bị phân tán.

- Những tác động khách quan làm tăng thêm những bất cập và hạn chế của đào tạo sau đại học nói chung và ở Học viện nói riêng; quá trình hội nhập quốc tế đã

mang tới những cơ hội, nhưng cũng đưa đến nhiều thách thức lớn đối với Học viện; mặt trái của kinh tế thị trường đã có tác động tiêu cực đến đào tạo sau đại học nói chung và tại Học viện nói riêng.

II. BỐI CẢNH, THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2011-2020

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế

1.1. Bối cảnh quốc tế

Học viện Khoa học xã hội trong thập kỷ tới phát triển trong bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi nhanh và phức tạp. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về nền giáo dục nói chung, về đào tạo sau đại học về khoa học xã hội nói riêng đã trở thành xu thế tất yếu. Cách mạng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin và truyền thông, kinh tế tri thức ngày càng phát triển mạnh mẽ, tác động trực tiếp đến sự phát triển của các nền giáo dục trên thế giới, đặc biệt đến nền giáo dục nước ta. Hội nhập để phát triển là một trong những định hướng hoạt động tất yếu của Học viện trong thời gian tới.

1.2. Bối cảnh trong nước

Trong giai đoạn 2011 - 2020 Học viện Khoa học xã hội phát triển trong bối cảnh Chiến lược phát triển Kinh tế - xã hội 2011 - 2020 đã khẳng định phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau. Chiến lược cũng xác định rõ một trong ba khâu đột phá là phát

triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 đã triển khai thực hiện các chủ trương, định hướng đổi mới giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước ta.

Phát triển Học viện Khoa học xã hội được đặt trong bối cảnh phát triển toàn diện Viện KHXH Việt Nam; Chiến lược phát triển Học viện Khoa học Xã hội là một bộ phận cấu thành của Chiến lược phát triển Viện KHXH Việt Nam. Chiến lược phát triển Viện KHXH Việt Nam 2011 - 2020 đã khẳng định kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu và đào tạo, đưa kết quả nghiên cứu vào hoạt động đào tạo sau đại học và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả nước. Vị thế mới của Viện KHXH Việt Nam được nâng cao và khẳng định. Xu hướng phát triển của Học viện theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, hội nhập, phát triển được thể hiện rõ theo chiều rộng và chiều sâu.

Sự phát triển của đất nước, của nền giáo dục nước ta trong giai đoạn mới sẽ tạo ra nhiều cơ hội và thuận lợi to lớn, đồng thời làm phát sinh nhiều thách thức đối với sự phát triển Học viện Khoa học xã hội.

2. Thời cơ và thách thức

2.1. Thời cơ

Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển; giáo dục vừa là mục tiêu vừa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có giáo dục và đào tạo trong 10

năm qua và Chiến lược phát triển Kinh tế - xã hội 2011 - 2020 với yêu cầu tái cơ cấu nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, cùng với Chiến lược và Quy hoạch phát triển nhân lực, Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020, Chiến lược phát triển Viện Khoa học xã hội Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 trong thời kỳ dân số vàng là tiền đề cơ bản để Học viện Khoa học xã hội phát triển đào tạo.

Cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông, chủ trương đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, của Học viện Khoa học xã hội sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi để đổi mới cơ bản nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo, đổi mới quản lý đào tạo, tiến tới một cơ sở đào tạo điện tử đáp ứng nhu cầu của từng cá nhân người học.

Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục, trong đó có đào tạo sau đại học đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình đào tạo hiện đại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thời cơ để phát triển đào tạo tại Học viện.

2.2. Thách thức

Ở trong nước, sự phân hóa trong xã hội có chiều hướng gia tăng; khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm dân cư, khoảng cách phát triển giữa các vùng miền ngày càng rõ rệt, gây nguy cơ dẫn đến sự thiếu bình đẳng trong tiếp cận đào tạo sau đại học, gia tăng khoảng cách về chất lượng đào tạo giữa các vùng miền và cho các đối tượng người học.

Nhu cầu phát triển nhanh giáo dục, trong đó có đào tạo sau đại học đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế

theo chiều sâu tri thức với công nghệ tiên tiến và hội nhập quốc tế, trong khi đó nguồn lực đầu tư cho đào tạo tại Học viện là có hạn, sẽ tạo sức ép đối với phát triển đào tạo của Học viện.

Hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường làm nảy sinh những vấn đề mới, như nguy cơ xâm nhập của những nhân tố không lành mạnh ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả đào tạo sau đại học có thể gây nhiều rủi ro lớn đối với giáo dục đặt ra yêu cầu phải đổi mới cả về lý luận cũng như những giải pháp thực tiễn phù hợp để phát triển đào tạo tại Học viện.

Nhu cầu khách quan mở rộng quy mô đào tạo của Học viện, khả năng hiện thực của Học viện; khả năng hội nhập khu vực và quốc tế trong đào tạo; khả năng đầu tư của Nhà nước, của Viện Khoa học xã hội Việt Nam; yêu cầu nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả đào tạo đang đặt ra thách thức lớn cho sự phát triển của Học viện trong thời gian tới.

III. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2020

1. Quan điểm chỉ đạo phát triển Học viện Khoa học Xã hội

1.1. Phát triển Học viện Khoa học xã hội phải quán triệt và triển khai thực hiện các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục ở nước ta nói chung, đó là: phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển; thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục; xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội bình đẳng để ai cũng được học, học suốt đời.

1.2. Phát triển Học viện Khoa học xã hội phải dựa trên cơ sở và gắn liền với phát triển toàn diện Viện KHXH Việt Nam; thực hiện có chất lượng, hiệu quả

chức năng cơ bản của Viện KHXH Việt Nam là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học xã hội cho đất nước; gắn kết chặt chẽ việc thực hiện chức năng đào tạo với chức năng nghiên cứu cơ bản về khoa học xã hội, chức năng tham mưu, tư vấn chính sách cho Đảng và Nhà nước, cho các bộ, ngành, doanh nghiệp và địa phương.

1.3. Phát triển Học viện Khoa học xã hội thành cơ sở đào tạo theo định hướng nghiên cứu, đẩy mạnh nghiên cứu để phục vụ đào tạo tại Học viện; gắn kết chặt chẽ nghiên cứu với đào tạo, đào tạo với nghiên cứu, đưa kết quả nghiên cứu vào hoạt động đào tạo sau đại học và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả nước; kết hợp ngày càng sâu rộng và hiệu quả hơn giữa chuyên ngành, đa ngành và liên ngành trong đào tạo sau đại học; gắn kết hài hòa việc trang bị kiến thức lý luận với kiến thức thực tiễn, kiến thức trong nước với kiến thức nước ngoài cho người học.

1.4. Đổi mới căn bản, toàn diện đào tạo sau đại học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, đặc biệt năng lực nghiên cứu, sáng tạo, tư vấn chính sách, giải quyết những vấn đề thực tiễn, chú trọng thỏa mãn nhu cầu phát triển của mỗi người học, những người có năng khiếu được phát triển tài năng.

1.5. Xây dựng Học viện Khoa học xã hội thành cơ sở đào tạo ngang tầm khu vực; hội nhập quốc tế sâu rộng về đào tạo sau đại học trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa; mở rộng giao lưu hợp tác với các nền giáo dục trên thế giới,

nhất là với các nền giáo dục tiên tiến hiện đại; phát hiện và khai thác kịp thời các cơ hội thu hút nguồn lực có chất lượng.

1. Mục tiêu phát triển Học viện Khoa học xã hội

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển Học viện Khoa học xã hội đến năm 2020 trở thành cơ sở đào tạo theo định hướng nghiên cứu có uy tín trong nước và khu vực; chất lượng và hiệu quả đào tạo được nâng cao một cách toàn diện; đổi mới căn bản và toàn diện đào tạo sau đại học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao về khoa học xã hội phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng nền kinh tế tri thức; đảm bảo công bằng xã hội trong đào tạo sau đại học và cơ hội học tập suốt đời cho người học, từng bước góp phần hình thành xã hội học tập.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Phát triển Học viện Khoa học xã hội đến năm 2020 thành cơ sở đào tạo chất lượng cao, có uy tín trong nước và khu vực; nâng cao chất lượng và hiệu quả một cách toàn diện: chất lượng của các nội dung đào tạo, chất lượng đội ngũ giảng viên, chất lượng các giáo trình sau đại học, chất lượng quản lý đào tạo, chất lượng quản lý học viên, chất lượng kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo, chất lượng hợp tác quốc tế, hiệu quả đầu tư cho Học viện.

2.2.2. Phát triển quy mô đào tạo một cách hợp lý dựa trên năng lực, khả năng phát triển của Học viện, đặc biệt tăng dần quy mô đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ. Đến năm 2015, Học viện có quy mô đào tạo tối thiểu khoảng 4500 học viên cao học và nghiên cứu sinh (khoảng 3300 học viên cao học, 1200 nghiên cứu sinh). Đến năm 2020,

Học viện có quy mô đào tạo tối thiểu khoảng 6000 học viên cao học và nghiên cứu sinh (khoảng 4500 học viên cao học, 1500 nghiên cứu sinh).

2.2.3. Các chỉ tiêu cụ thể: hàng năm, các chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ và trình độ tiến sỹ có khoảng 20% nội dung được đổi mới, bổ sung; đến năm 2015, Học viện có đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ điều kiện bảo đảm giảng dạy 20 - 30% chương trình đào tạo, đến năm 2020, bảo đảm giảng dạy 60 - 70% chương trình đào tạo tại Học viện; đến năm 2015, 100% giảng viên có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học; phấn đấu đến năm 2015 có một số khoa, chuyên ngành đào tạo của Học viện đạt chất lượng cao.

IV. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2020

1. Nhiệm vụ phát triển Học viện Khoa học xã hội đến năm 2020

1.1. Xây dựng mô hình tổ chức và hoạt động của Học viện Khoa học xã hội trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam thành cơ sở đào tạo theo định hướng nghiên cứu, kết nối tính chuyên ngành, đa ngành và liên ngành.

1.2. Xây dựng mới các ngành, chuyên ngành đào tạo; đổi mới căn bản và toàn diện các chương trình đào tạo bảo đảm tính liên thông giữa các chương trình đào tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo sau đại học nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học xã hội cho đất nước; đảm bảo cho người học được học tập kiến thức chuyên môn hiện đại, được ứng dụng khoa học - công nghệ cao, được rèn luyện kỹ năng, phương pháp làm việc và trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

1.3. Phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đào tạo đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, có tính chuyên nghiệp, có phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến, đủ sức thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện các chương trình đào tạo, tuyển chọn, sử dụng và đánh giá giảng viên và cán bộ quản lý đào tạo; đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng đào tạo: trên cơ sở đánh giá chương trình đào tạo sau đại học hiện hành và tham khảo chương trình đào tạo tiên tiến của các nước, thực hiện đổi mới chương trình đào tạo và giáo trình đào tạo sau đại học theo định hướng phát triển năng lực học viên; đổi mới chương trình đào tạo, tài liệu đào tạo trong Học viện dựa trên nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động, vận dụng có chọn lọc một số chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới, phát huy vai trò của một số ngành trọng điểm trong từng khối ngành đào tạo để thiết kế các chương trình đào tạo liên thông; phát triển chương trình đào tạo sau đại học theo hai hướng: nghiên cứu và nghề nghiệp ứng dụng; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của học viên; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học; biên soạn và sử dụng giáo trình điện tử.

1.4. Đổi mới quản lý đào tạo: xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản quản lý đồng bộ làm cơ sở triển khai thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện đào tạo tại Học viện; đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện các cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý về đào tạo trực thuộc Học viện; thực

hiện đồng bộ phân cấp quản lý, hoàn thiện và triển khai cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc Học viện trong quản lý về đào tạo theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền gắn với trách nhiệm và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; bảo đảm dân chủ hóa, công khai, minh bạch trong đào tạo; thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá người dạy, giáo viên và giảng viên tham gia đánh giá cán bộ quản lý, cán bộ quản lý cấp dưới tham gia đánh giá cán bộ quản lý cấp trên; hoàn thiện cơ cấu đào tạo tại Học viện, xây dựng khung đào tạo thích ứng với các nước trong khu vực và trên thế giới; đa dạng hóa các phương thức đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học xã hội; thực hiện quản lý đào tạo theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đào tạo và quy hoạch phát triển nhân lực chất lượng cao về khoa học xã hội của từng ngành, địa phương trong từng giai đoạn tương ứng; tập trung vào quản lý chất lượng đào tạo: chuẩn hóa đầu ra và các điều kiện bảo đảm chất lượng trên cơ sở ứng dụng các thành tựu mới về khoa học giáo dục, khoa học công nghệ và khoa học quản lý, từng bước vận dụng chuẩn của các nước tiên tiến; công khai về chất lượng đào tạo, các điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và tài chính của Học viện; thực hiện giám sát xã hội đối với chất lượng và hiệu quả đào tạo; thực hiện kiểm định về chất lượng đào tạo và kiểm định các chương trình đào tạo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đào tạo tại Học viện.

1.5. Mở rộng và hiện đại hóa cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật đồng bộ để phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo sau đại học có chất lượng, hiệu quả của Học viện.

Tăng nguồn lực đầu tư và đổi mới cơ chế tài chính cho đào tạo: tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính đào tạo nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực của Nhà nước và xã hội đầu tư cho đào tạo sau đại học; nâng cao tính tự chủ của Học viện, bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm đối với Nhà nước, người học và xã hội; bảo đảm nguồn lực tài chính cho Học viện đủ sức hội nhập và cạnh tranh khu vực, quốc tế; ngân sách nhà nước đầu tư cho đào tạo cần được tập trung ưu tiên cho đào tạo nhân lực chất lượng cao về khoa học xã hội, đặc biệt những ngành mà xã hội cần nhưng khó thu hút người học; tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho Học viện; từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo đảm đủ nguồn lực tài chính và phương tiện dạy học hiện đại của Học viện; ưu tiên đầu tư xây dựng Học viện thành cơ sở đào tạo xuất sắc, chất lượng trình độ quốc tế, khu vực; quy hoạch, bảo đảm quỹ đất để xây dựng cơ sở đào tạo của Học viện và ký túc xá cho học viên; xây dựng và thực hiện chế độ học phí mới nhằm bảo đảm sự chia sẻ hợp lý giữa Nhà nước, người học và các thành phần xã hội.

1.6. Xây dựng và phát triển cơ sở Thông tin - Thư viện - Tư liệu của Học viện trong sự kết nối với các cơ sở Thông tin - Thư viện - Tư liệu của các Viện nghiên cứu trực thuộc Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, phát triển Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, đẩy mạnh hoạt động xuất bản phục vụ có chất lượng, hiệu quả đào tạo sau đại học tại Học viện.

1.7. Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế về đào tạo sau đại học của Học viện theo hướng mở cửa hội nhập, khu vực hóa và quốc tế hóa các chương trình đào tạo sau đại học của Học viện; thúc đẩy liên

kết đào tạo với các cơ sở đào tạo ngoài nước; tăng cường đào tạo giảng viên ở nước ngoài; mở rộng việc đào tạo cán bộ khoa học xã hội cho nước ngoài tại Việt Nam; tăng cường trao đổi giảng viên của Học viện với các cơ sở đào tạo nước ngoài bằng ngân sách nhà nước, mở rộng hợp tác của Học viện với các cơ sở đào tạo nước ngoài để nâng cao năng lực quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên và cán bộ khoa học và quản lý đào tạo; khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, tài trợ cho đào tạo, tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ đào tạo góp phần phát triển Học viện; xây dựng Học viện trở thành cơ sở đào tạo hiện đại thu hút các nhà khoa học trong nước, quốc tế đến giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Các giải pháp phát triển Học viện Khoa học xã hội đến năm 2020

Xây dựng và thực hiện các quy hoạch và kế hoạch phát triển Học viện Khoa học xã hội.

2.1. Xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển cơ cấu tổ chức của Học viện Khoa học xã hội theo hai hướng sau:

Thứ nhất, xây dựng quy hoạch và kế hoạch tổng thể phát triển cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc Học viện: các đơn vị chức năng; các Khoa và Bộ môn; các Tổ chức khoa học; tổ chức nghiên cứu khoa học, phục vụ đào tạo; tổ chức dịch vụ; các cơ sở của Học viện; Hội đồng Học viện; Hội đồng Khoa học và đào tạo; Hội đồng Tư vấn; và các cơ cấu tổ chức khác.

Thứ hai, kiện toàn lại các cơ cấu tổ chức trực thuộc Học viện Khoa học xã hội; phát triển một số Khoa thành các Khoa trọng

điểm, chất lượng cao; xây dựng một số đơn vị nghiên cứu trực thuộc Học viện; phát triển các cơ sở của Học viện thành các Phân hiệu của Học viện.

2.2. Xây dựng quy hoạch và kế hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể phát triển các ngành, chuyên ngành đào tạo, đổi mới chương trình, nội dung đào tạo, đào tạo bồi dưỡng mang tính liên thông giữa các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo, đào tạo bồi dưỡng theo các hướng sau:

Thứ nhất, xây dựng mới theo hướng đa dạng hóa các ngành, chuyên ngành đào tạo sau đại học ở hai trình độ: thạc sỹ và tiến sỹ về khoa học xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước, đặc biệt các ngành, chuyên ngành đào tạo mà các nước trong khu vực và trên thế giới đã và đang đào tạo mà Việt Nam chưa tiến hành đào tạo.

Thứ hai, xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể đổi mới chương trình, nội dung đào tạo trình độ tiến sỹ của các ngành, chuyên ngành đào tạo đang được Học viện tiến hành đào tạo.

Thứ ba, xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể đổi mới chương trình, nội dung đào tạo trình độ thạc sỹ của các ngành, chuyên ngành đào tạo đang được Học viện tiến hành đào tạo.

Thứ tư, xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể phát triển các chương trình đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, các chương trình đào tạo bổ sung kiến thức phục vụ cho nhu cầu chuyển đổi ngành, chuyên ngành đào tạo.

Thứ năm, xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể biên soạn các giáo trình sau đại học và các tài liệu khác phục vụ đào tạo tại Học viện.

2.3. Xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể phát triển nguồn nhân lực

của Học viện Khoa học xã hội theo các hướng sau:

Thứ nhất, xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể phát triển đội ngũ giảng viên của Học viện với cơ cấu hợp lý, đồng bộ, chuyên nghiệp, chất lượng, có sự tiếp nối giữa các thế hệ, ưu tiên phát triển đội ngũ giảng viên cho những ngành, chuyên ngành đào tạo mới, đội ngũ giảng viên trẻ.

Thứ hai, xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo của Học viện với cơ cấu hợp lý, chuyên nghiệp, có năng lực, trình độ quản lý đào tạo theo chiến lược, quy hoạch và kế hoạch.

Thứ ba, xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể phát triển đội ngũ cán bộ phục vụ đào tạo của Học viện với cơ cấu hợp lý, chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ có chất lượng, hiệu quả các hoạt động của Học viện.

Thứ tư, cùng với việc xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể phát triển nguồn nhân lực của Học viện ở trong nước và ở nước ngoài, Học viện xây dựng và thực hiện cơ chế và chính sách cụ thể để thu hút các chuyên gia trong nước và ngoài nước tham gia đào tạo và nghiên cứu tại Học viện. Chú trọng đào tạo, đào tạo lại và đào tạo nâng cao đối với đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, cán bộ phục vụ đào tạo bằng những hình thức và phương pháp hiện đại, phù hợp với các đặc thù của Học viện Khoa học xã hội. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Học viện đi nghiên cứu, trao đổi khoa học, giảng dạy, làm việc có thời hạn tại các cơ sở đào tạo có danh tiếng ở nước ngoài để học hỏi, tiếp thu tri thức, tư duy, cách tiếp cận và phương pháp giảng dạy hiện đại.

Thứ năm, quan tâm đến điều kiện sống và làm việc của đội ngũ cán bộ của Học

viện. Bảo đảm cho cán bộ của Học viện sống được bằng chính nguồn thu nhập chính đáng của mình, tạo điều kiện bảo đảm tái sản xuất sức lao động cho đội ngũ cán bộ của Học viện, khuyến khích những người lao động có trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả bằng những hình thức thích hợp.

2.4. Xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể phát triển cơ sở Thông tin - Thư viện - Tư liệu của Học viện Khoa học xã hội theo các hướng sau:

Thứ nhất, xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể để phát triển Trung tâm Thông tin - Thư viện - Tư liệu của Học viện theo hướng Thư viện điện tử, kỹ thuật số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu về đào tạo sau đại học tại Học viện; gắn kết chặt chẽ Trung tâm Thông tin - Thư viện - Tư liệu của Học viện với các Trung tâm Thông tin - Thư viện - Tư liệu của các Viện chuyên ngành và Viện Thông tin Khoa học xã hội trực thuộc Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

Thứ hai, xây dựng kế hoạch phát triển Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội thành diễn đàn khoa học, đào tạo đa ngành và liên ngành có chất lượng của đội ngũ giảng viên, học viên và những người quan tâm; tiến hành số hóa các hoạt động của Tạp chí.

Thứ ba, xây dựng kế hoạch phát triển nâng cấp Website của Học viện thành Cổng thông tin điện tử của Học viện Khoa học xã hội và tiến hành nối mạng rộng rãi với các Cổng thông tin điện tử của các cơ sở đào tạo và nghiên cứu trong nước, khu vực và thế giới. Tăng cường trao đổi, khai thác những thông tin về đào tạo của các nước trên thế giới, tổ chức quốc tế và trên mạng internet. Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng của hệ thống thông tin-thư viện phục vụ đào tạo có chất lượng, hiệu quả.

2.5. Xây dựng quy hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể phát triển cơ sở vật chất của Học viện Khoa học xã hội theo các hướng sau:

Thứ nhất, quy hoạch, bảo đảm quỹ đất để xây dựng Học viện Khoa học xã hội thành cơ sở đào tạo hiện đại, chất lượng cao, bao gồm quy hoạch, bảo đảm quỹ đất để xây dựng khu làm việc của cán bộ Học viện, khu giảng đường, khu kí túc xá cho học viên.

Thứ hai, xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng độc lập hoặc kết hợp cho Học viện Khoa học Xã hội ở Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Buôn Ma Thuột, Thành phố Hồ Chí Minh và nơi khác.

Thứ ba, xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật của Học viện.

2.6. Xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch cụ thể phát triển hợp tác quốc tế về đào tạo sau đại học của Học viện Khoa học xã hội theo các hướng sau:

Thứ nhất, xây dựng kế hoạch hội nhập, khu vực hóa, quốc tế hóa các chương trình đào tạo sau đại học của Học viện.

Thứ hai, thúc đẩy liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo ngoài nước, đặc biệt với các cơ sở có danh tiếng.

Thứ ba, mở rộng việc đào tạo sau đại học về khoa học xã hội cho người nước ngoài tại Học viện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

1. Hai giai đoạn thực hiện Chiến lược

a) Giai đoạn 1 (2011 - 2015): thực hiện, hoàn thiện, phát triển cơ cấu tổ chức của

Học viện; xây dựng mới các ngành, chuyên ngành đào tạo, đổi mới các chương trình, nội dung đào tạo sau đại học tại Học viện; đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo ở Học viện; biên soạn các giáo trình sau đại học; thực hiện một bước phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đào tạo, cán bộ phục vụ đào tạo; bước đầu phát triển cơ sở Thông tin - Tư liệu - Thư viện của Học viện; hoàn thành dự án: cải tạo nâng cấp nghiên cứu và đào tạo của Học viện Khoa học xã hội tại địa điểm 477 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội và các dự án kết hợp khác, chuẩn bị dự án mới; hiện đại hóa một bước cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật của Học viện; thực hiện liên kết đào tạo trong một số ngành, chuyên ngành với các cơ sở đào tạo ngoài nước; thực hiện đào tạo sau đại học về một số ngành, chuyên ngành đào tạo cho người nước ngoài tại Học viện. Đánh giá, điều chỉnh các mục tiêu và giải pháp thực hiện Chiến lược vào cuối năm 2015; tổ chức sơ kết thực hiện Chiến lược giai đoạn 1 vào đầu năm 2016.

b) Giai đoạn 2 (2016 - 2020): tiếp tục thực hiện đổi mới chương trình, nội dung đào tạo tại Học viện; tiếp tục đẩy mạnh phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đào tạo, cán bộ phục vụ đào tạo; tiếp tục xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản cho Học viện, tiếp tục hiện đại hóa cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật của Học viện; tiếp tục thực hiện hiện đại hóa Trung tâm Thông tin - Thư viện - Tư liệu; thực hiện khu vực hóa và quốc tế hóa một số chương trình đào tạo sau đại học của Học viện; tập trung củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả

đào tạo. Đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển Học viện Khoa học Xã hội giai đoạn 2011 - 2020 vào cuối năm 2020 và tổng kết vào đầu năm 2021.

2. Phân công thực hiện Chiến lược

a) Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển Học viện Khoa học xã hội giai đoạn 2011 - 2020.

b) Học viện Khoa học xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Học viện Khoa học xã hội giai đoạn 2011 - 2020; xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển Học viện 5 năm và hàng năm phù hợp với Chiến lược phát triển Học viện Khoa học Xã hội, Chiến lược phát triển Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020, Chiến lược và quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020; kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo Chủ tịch Viện Hàn lâm; tổ chức sơ kết việc thực hiện Chiến lược phát triển Học viện Khoa học xã hội vào đầu năm 2016 và tổng kết vào đầu năm 2021.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức cán bộ và các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển tổ chức và nhân lực Học viện; xây dựng các chính sách, chế độ đối với giảng viên và quản lý đào tạo, chính sách hỗ trợ người học thuộc diện chính sách và các chính sách khác có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Kế hoạch tài chính và các đơn vị khác có liên quan xây

dựng chính sách về tự chủ tài chính cho Học viện, các chính sách tài chính khuyến khích gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học và ứng dụng; xây dựng các dự án đầu tư xây dựng cho Học viện.

c) Ban Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Học viện Khoa học xã hội và các đơn vị có liên quan của Bộ kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm ngân sách cho nhu cầu phát triển của Học viện, huy động các nguồn tài trợ trong và ngoài nước cho phát triển Học viện Khoa học xã hội; hoàn thiện chế độ quản lý tài chính trong lĩnh vực đào tạo để sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính đầu tư cho Học viện.

d) Ban Quản lý khoa học chủ trì, phối hợp với Học viện Khoa học xã hội và các Viện nghiên cứu trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam xây dựng cơ chế, chính sách và kế hoạch phối hợp các hoạt động nghiên cứu khoa học giữa các Viện nghiên cứu trực thuộc với Học viện Khoa học xã hội; tham gia xây dựng Học viện Khoa học xã hội thành Học viện đào tạo chất lượng cao.

đ) Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì, phối hợp với Học viện Khoa học xã hội và các đơn vị có liên quan của Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đắk Lắk và các địa phương khác quy hoạch đất cho Học viện Khoa học xã hội.

e) Ban Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Học viện Khoa học xã hội và các đơn vị có liên quan khác xây dựng cơ chế, chính sách và kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu; huy động các nguồn tài trợ ngoài nước và các tổ chức quốc tế tại Việt Nam cho phát triển Học viện.